Ký bởi: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng
Ngày ký: 16-07-2020 17:05:53 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21 /2020/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 16 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 85/TTr-STC ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc Ban hành một số Quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; ý kiến thẩm định văn bản của Sở Tư pháp tại Công văn số 1038/STP-XDKTVB ngày 31 tháng 3 năm 2020 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên họp ngày tháng năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phương thức đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tham gia cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Miên

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- TT TU, TT HĐND TP;
- UB MTTQ VN thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Báo Đà Nẵng, báo Công an TP ĐN;
- Đài Phát thanh - Truyền hình ĐN;
- Cổng thông tin điện tử TP ĐN;
- VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tp: CVP và các PCVP, Phòng NCPC, KTTC, ĐTĐT;
- Lưu: VT, STC.

45 LT

thaohh2-20/07/2020 08:01:31-thaohh2-thaohh2-thaohh2

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

b) Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (UBND thành phố); Ủy ban nhân dân các quận, huyện (UBND các quận, huyện) thuộc thành phố Đà Nẵng.

b) Cơ quan quản lý trực thuộc UBND thành phố, UBND các quận, huyện được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

c) Các đơn vị, tổ chức, địa phương theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 2 Chương I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 2. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố, gồm:

a) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

b) Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

2. Chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công tại Khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công từ dự toán chi theo quy định, cơ quan quản lý chuyên môn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các nguồn kinh phí được quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 4. Phương thức và thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Chương I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Các cơ quan quản lý theo ngành, lĩnh vực phụ trách trực thuộc UBND thành phố, UBND các quận, huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm báo cáo, tham mưu cho UBND cùng cấp việc ủy quyền để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Phương pháp và thẩm quyền quyết định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công

Thực hiện theo quy định Điều 8, Chương I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Chương II
PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1
GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo Danh mục tại Biểu 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này cho đơn vị sự nghiệp công lập; điều kiện, căn cứ, nội dung và hình thức giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 10, Mục 1 Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 7. Trình tự thực hiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Lập dự toán: Căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành quản lý theo lĩnh vực và hướng dẫn của UBND thành phố; cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập lập dự toán kinh phí ngân sách giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định Điều 22 Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Thực hiện dự toán: Đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, biên bản nghiệm thu theo số lượng, khối lượng hoặc chi tiết nhiệm vụ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hồ sơ chứng từ có liên quan thực hiện tạm ứng, thanh toán theo quy định hiện hành.

3. Quản lý, giám sát việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (gọi tắt là cơ quan quản lý cấp trên) có trách nhiệm quản lý, giám

sát, kiểm tra về số lượng, khối lượng, chi tiết nhiệm vụ, chất lượng và thời gian cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Công tác quản lý, giám sát và kiểm tra phải được cơ quan quản lý cấp trên tổ chức định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo đúng các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm

a) Thời gian nghiệm thu: Cơ quan quản lý cấp trên chủ trì tổ chức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm (nếu có) theo định kỳ hàng quý (hoặc đột xuất nếu cần) và sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

b) Thành phần, nội dung và hồ sơ nghiệm thu, bàn giao

Thành phần nghiệm thu: Các bộ phận giám sát, các phòng ban chuyên môn của cơ quan quản lý cấp trên được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ và đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Nội dung nghiệm thu: Các công việc đã được thực hiện trong tháng, quý, cả năm hoặc chi tiết theo nhiệm vụ được phê duyệt đầu năm.

Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao: Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, nhiệm vụ, chất lượng, bảng thanh toán khối lượng, hồ sơ quyết toán, nhật ký,... và các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán theo quy định.

5. Quyết toán kinh phí: Các đơn vị sự nghiệp công lập quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ trong báo cáo quyết toán năm của đơn vị, gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt, thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành.

6. Điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Việc điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện theo Điều 11, Mục 1 Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Khi phát sinh điều chỉnh theo điểm a Khoản 6 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ rà soát số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công hoặc nhiệm vụ được giao để xác định cụ thể kinh phí cần điều chỉnh, bổ sung; đồng thời đề xuất chi tiết nguồn kinh phí thực hiện. Trên cơ sở đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xác định đúng kinh phí cần điều chỉnh hoặc bổ sung dự toán, trong đó chi tiết theo nguồn kinh phí thực hiện; gửi kết quả cho cơ quan tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND cùng cấp quyết định theo thẩm quyền.

Mục 2
ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 8. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Điều kiện đặt hàng, căn cứ đặt hàng, hình thức đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn thành phố đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên và nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác thực hiện

theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 12, Điều 13 và Khoản 1 Điều 14 Mục 2, Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này thực hiện phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.

Điều 9. Thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 7 Quyết định này. Tại thời điểm xây dựng dự toán, cơ quan quản lý được UBND cùng cấp ủy quyền thực hiện đặt hàng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan rà soát tình hình thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công năm hiện hành; xác định chi tiết số lượng, khối lượng, đơn giá, giá dịch vụ (so sánh số lượng, khối lượng, phân tích tăng giảm) làm cơ sở xây dựng dự toán đặt hàng cho năm kế hoạch, trong đó đề xuất chi tiết các nguồn để thực hiện, gửi cơ quan tài chính báo cáo UBND thành phố quyết định.

2. Thực hiện dự toán: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan quản lý quyết định đặt hàng (đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc) hoặc hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với nhà cung cấp dịch vụ công khác. Căn cứ đơn giá, giá đặt hàng; biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và tài liệu khác có liên quan (nếu có), đơn vị cung cấp dịch vụ công thực hiện tạm ứng, thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 24, Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

3. Công tác quản lý, giám sát việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Cơ quan quản lý cấp trên đơn vị sự nghiệp công lập được bố trí dự toán để tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm quản lý, giám sát và kiểm tra (định kỳ, đột xuất) để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của các đơn vị đúng khối lượng, chất lượng, quy cách, định mức, tiêu chuẩn và thời gian thực hiện.

4. Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm: Cơ quan quản lý cấp trên được bố trí dự toán để tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm chủ trì nghiệm thu, bàn giao sản phẩm (nếu có) theo định kỳ hàng quý (hoặc đột xuất) và sau khi hoàn thành công việc. Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao sản phẩm phải được lập thành Biên bản, trong đó xác định cụ thể số lượng, khối lượng, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công để làm cơ sở thanh, quyết toán theo quy định.

5. Điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Cơ sở điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 15 Mục 2, Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Khi điều chỉnh kinh phí đặt hàng tại điểm a Khoản 5 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên được bố trí dự toán để tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm chủ trì kiểm tra, rà soát số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công; xác định cụ thể kinh phí điều chỉnh hoặc bổ sung dự toán, đồng thời đề xuất chi tiết nguồn kinh phí thực hiện; tổng hợp kết quả và gửi đề nghị điều chỉnh kinh phí cho cơ quan tài chính để báo cáo UBND cùng cấp quyết định theo thẩm quyền.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh kinh phí, cơ quan quản lý cấp trên được bố trí dự toán tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện điều chỉnh quyết định đặt hàng hoặc hợp đồng đặt hàng gửi cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Thời gian điều chỉnh kinh phí hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.

Mục 3
ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Nhà thầu được tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và theo quy định tại Điều 16, Mục 3 Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Đối với điều kiện tổ chức đấu thầu, tham gia đấu thầu; trình tự đấu thầu; lập, thẩm định và phê duyệt dự toán để hình thành giá gói thầu; xử lý các trường hợp phát sinh thực hiện theo các Điều 17, 18, 19, 20, 21 Chương III của Quy định này.

Chương III
PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG, ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Mục 1
ĐẶT HÀNG SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 11. Đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo danh mục tại Phụ lục II kèm theo Quy định này được thực hiện theo quy định tại Điều 17, Mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Thực hiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng có văn bản gửi nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (đối với nhà sản xuất, cung ứng được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định pháp luật chuyên ngành). Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có nhu cầu tham gia thì phải lập hồ sơ đề xuất đặt hàng gửi cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng chậm nhất ngày 20 tháng 6 hằng năm.

Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng sau khi kiểm tra, rà soát, thẩm định hồ sơ đặt hàng của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, có Tờ trình kèm hồ sơ đặt hàng gửi cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất ngày 07 tháng 7 hằng năm.

b) Cơ quan tài chính thực hiện kiểm tra và căn cứ khả năng cân đối ngân sách, báo cáo UBND cùng cấp xem xét bố trí dự toán, trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán ngân sách hằng năm.

c) Sau khi dự toán ngân sách được phê duyệt (hoặc quyết định phê duyệt đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền), cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng thực hiện rà soát, phê duyệt dự toán đặt hàng cho cả năm kế hoạch và ký hợp đồng đặt hàng với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chậm nhất ngày 31/12 hằng năm.

Căn cứ hợp đồng đã ký kết, nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có trách nhiệm thực hiện các nội dung, tiến độ công việc đảm bảo đúng yêu cầu quy định. Sau khi hoàn thành, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo đúng quy định.

Điều 12. Hồ sơ đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Hồ sơ đặt hàng gồm các nội dung chủ yếu như sau:

a) Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (tên đơn vị, trụ sở,...).

b) Đánh giá năng lực nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (tài chính, trình độ kỹ thuật, công nghệ,...); đánh giá kết quả thực hiện đặt hàng năm hiện hành (nếu có).

c) Thời gian đặt hàng, địa bàn đặt hàng.

d) Thuyết minh các nội dung: Nguyên tắc, cơ sở đề xuất khối lượng đặt hàng năm kế hoạch. Căn cứ áp dụng giá, đơn giá, mức trợ giá; định mức kinh tế kỹ thuật để xác định giá trị đặt hàng. So sánh giữa phương án đặt hàng năm kế hoạch với ước thực hiện của năm hiện hành; đánh giá, phân tích cụ thể nguyên nhân tăng, giảm.

đ) Thuyết minh, giải trình một số nội dung khác có liên quan (nếu có).

2. Các biểu mẫu liên quan đến đặt hàng. Tùy theo từng lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công ích, các đơn vị xây dựng các biểu mẫu về khối lượng, đơn giá, giá trị đặt hàng cho phù hợp.

3. Văn bản pháp lý có liên quan đến đặt hàng.

Điều 13. Hợp đồng đặt hàng

1. Nội dung và hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 19, Mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo quy định pháp luật chuyên ngành (nếu có) trong đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật và không làm thay đổi giá, đơn giá, mức trợ giá của sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 14. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại Điều 20 Mục 1, Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Điều chỉnh hợp đồng phải được quy định cụ thể trong văn bản hợp đồng, văn bản thỏa thuận về điều kiện của hợp đồng (nếu có) và chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

3. Xử lý các trường hợp phát sinh

Trường hợp trong năm có khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi đặt hàng đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích báo cáo cơ quan đặt hàng thẩm định và có ý kiến (khối lượng, giá trị và đề xuất phương thức thực hiện,...), gửi cơ quan tài chính kiểm tra trình UBND cùng cấp phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng theo quy định.

Thời gian cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng gửi hồ sơ điều chỉnh đặt hàng đến cơ quan tài chính chậm nhất ngày 10/10 hằng năm. Thời gian trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chậm nhất hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành. Căn cứ quyết định điều chỉnh dự toán, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng điều chỉnh dự toán đặt hàng để thực hiện.

Điều 15. Quản lý, giám sát và nghiệm thu hợp đồng đặt hàng

1. Về công tác quản lý, giám sát

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng đặt hàng cả về thời gian, khối lượng và chất lượng đối với các hoạt động mà đơn vị nhận đặt hàng thực hiện;

b) Việc kiểm tra, giám sát phải tổ chức định kỳ và đột xuất, đảm bảo đúng các yêu cầu về kỹ thuật được quy định trong hồ sơ và hợp đồng đặt hàng.

2. Về nghiệm thu

a) Thời gian nghiệm thu: Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng tổ chức nghiệm thu định kỳ hằng quý (hoặc đột xuất) và sau khi hoàn thành từng hạng mục công việc theo hợp đồng đặt hàng.

b) Thành phần, nội dung nghiệm thu và hồ sơ nghiệm thu

Thành phần nghiệm thu: Các bộ phận giám sát, phòng chuyên môn thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng và đơn vị thực hiện hợp đồng đặt hàng.

Nội dung nghiệm thu: Các công việc đặt hàng đã được thực hiện trong tháng, quý, cả năm theo hồ sơ và hợp đồng đặt hàng theo quy định.

Hồ sơ nghiệm thu: Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng, bảng thanh toán khối lượng, hồ sơ quyết toán, nhật ký... và các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng (nếu có).

Điều 16. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng đặt hàng

1. Tạm ứng

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hợp đồng được ký kết và trên cơ sở đề nghị của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích nhận đặt hàng, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thực hiện tạm ứng cho nhà sản

xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 161/2012/TT-BTC, tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết và không vượt quá dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khoản chi đó.

Việc thu hồi số tiền tạm ứng bắt đầu từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết số tiền tạm ứng khi thanh toán cuối cùng theo hợp đồng đã ký kết.

2. Thanh toán hợp đồng đặt hàng

Định kỳ hoặc sau khi được nghiệm thu, nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng. Trên cơ sở đó cơ quan này lập hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để kiểm soát, thanh toán, thu hồi tạm ứng theo quy định. Việc thanh toán được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, theo hợp đồng ký kết giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng và nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Trình tự thủ tục tạm ứng, hồ sơ tạm ứng và hồ sơ thanh toán tạm ứng, thanh toán trực tiếp: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có).

4. Quyết toán

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hợp đồng đã được ký kết; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan (nếu có), cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước và theo quy định tại Điều 25 Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Mục 2
ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 17. Tổ chức đấu thầu, tham gia đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của gói thầu chỉ được phát hành để lựa chọn nhà thầu khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Luật Đấu thầu. Các nhà thầu khi tham gia đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 Luật Đấu thầu và đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu.

Điều 18. Lựa chọn hình thức đấu thầu

Nhà thầu tham gia đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này theo các hình thức quy định Khoản 1 Điều 21 Mục 2, Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 19. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu

Hằng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, các cơ quan được UBND thành phố hoặc UBND các quận, huyện giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có trách nhiệm chủ trì (phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành) lập dự toán cho năm kế hoạch để hình thành giá gói thầu, gửi cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất trước ngày 07/7 của năm thực hiện. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra, tổng hợp trình UBND cùng cấp xem xét, phê duyệt dự toán giá gói thầu theo thẩm quyền trước ngày 01/10 hằng năm. Trên cơ sở dự toán giá gói thầu được phê duyệt, cơ quan được giao tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích triển khai công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Cơ quan tài chính cùng cấp phối hợp tổng hợp vào dự toán ngân sách năm kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 20. Công tác lựa chọn nhà thầu

Cơ quan được UBND thành phố hoặc UBND các quận, huyện giao tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có trách nhiệm thực hiện các bước lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND thành phố, Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 21. Xử lý các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp phát sinh khối lượng mới ngoài khối lượng đã thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu: Trên cơ sở khối lượng mới phát sinh đã được thống nhất, cơ quan được giao tổ chức đấu thầu lập dự toán phần khối lượng mới phát sinh, gửi cơ quan chuyên ngành thẩm định trước khi gửi cho cơ quan tài chính kiểm tra, tổng hợp trình UBND cùng cấp phê duyệt.

Trên cơ sở dự toán khối lượng mới phát sinh được phê duyệt, cơ quan được giao tổ chức đấu thầu có trách nhiệm thực hiện thương thảo, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng với nhà thầu đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

2. Trường hợp thương thảo không thành công, cơ quan được giao tổ chức đấu thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu mới theo đúng quy trình lựa chọn nhà thầu để thực hiện đối với khối lượng công việc mới phát sinh.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Đối với sở, ban, ngành; cơ quan quản lý trực thuộc UBND thành phố và UBND các quận, huyện được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công

a) Theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý có trách nhiệm theo dõi, tham mưu các nội dung cụ thể như sau:

Báo cáo, đề xuất UBND cùng cấp việc ủy quyền để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn thành phố. Báo cáo UBND cùng cấp về công tác tổ chức kiểm tra, theo dõi và giám sát thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: Trình UBND thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công. Trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công; sửa đổi, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công từ dự toán chi theo quy định.

b) Thẩm định dự toán sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Thực hiện phê duyệt dự toán chi tiết sau khi ngân sách bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong trường hợp nhà nước giao nhiệm vụ và đặt hàng cung cấp, sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công.

c) Thực hiện lập dự toán để hình thành giá gói thầu, phối hợp trình UBND cùng cấp phê duyệt theo quy định.

d) Quản lý, giám sát quá trình thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cả về khối lượng, thời gian thực hiện, chất lượng dịch vụ do đơn vị sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn được giao quản lý.

đ) Thẩm định và phê duyệt quyết toán trong năm (theo thẩm quyền) kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cùng thời điểm quyết toán ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp quyết toán.

e) Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo UBND cùng cấp xem xét quyết định việc điều chỉnh kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công, xử lý các trường hợp đặc thù (nếu có) theo quy định. Chịu trách nhiệm trước UBND cùng cấp về kết quả thực hiện công tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

2. UBND các quận, huyện

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ quan quản lý trực thuộc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện từ nguồn ngân sách được bố trí, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

3. Đối với cơ quan tài chính các cấp

a) Phối hợp với các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; cơ quan có liên quan tham gia ý kiến trong việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước của cấp mình. Tổng hợp dự toán, báo cáo UBND

trình HĐND cùng cấp cân đối bố trí ngân sách để thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

b) Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc các quận, huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp UBND cùng cấp theo dõi, đánh giá, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền và định kỳ sơ kết, tổng kết để báo cáo kết quả cho UBND thành phố.

4. Kho bạc Nhà nước các cấp trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu; dự toán của cấp có thẩm quyền giao; quyết định, hợp đồng đặt hàng, đấu thầu; biên bản nghiệm thu sản phẩm; biên bản nghiệm thu đặt hàng; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; các tài liệu khác có liên quan (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và Quy định này, để thực hiện kiểm soát chi và tạm ứng, thanh toán kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; xác nhận số kinh phí thanh toán trong năm của đơn vị sử dụng ngân sách (bảng đối chiếu dự toán, tình hình sử dụng kinh phí ngân sách tại Kho bạc Nhà nước).

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập; nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Chương V Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Quyết định này.

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố đã được cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đã tổ chức đấu thầu và triển khai thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2015 và Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cho đến khi kết thúc nhiệm vụ được cấp trên giao; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Miên

Phụ lục I
DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU

(Ban hành kèm theo Quy định của Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Biểu 01
DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức
I	**Sự nghiệp giáo dục đào tạo**	
1	Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
2	Dịch vụ giáo dục thường xuyên	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
3	Dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
4	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
II	**Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp**	
5	Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
6	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
7	Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
8	Dịch vụ đào tạo nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
III	**Sự nghiệp y tế - dân số**	
9	Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
10	Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
11	Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
12	Dịch vụ giám định	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
13	Dịch vụ y tế khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
IV	**Sự nghiệp thông tin và truyền thông**	
14	Dịch vụ báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
15	Dịch vụ viễn thông, internet	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
16	Dịch vụ bưu chính	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
17	Dịch vụ công nghệ thông tin	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
18	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
V	**Sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch**	
19	Dịch vụ văn hóa	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
20	Dịch vụ gia đình	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
21	Dịch vụ thể dục, thể thao	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
22	Dịch vụ du lịch	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
23	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức
VI	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
24	Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
25	Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật)	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
26	Dịch vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
27	Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ)	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
VII	**Sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
28	Dịch vụ môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
29	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
VIII	**Các hoạt động kinh tế, sự nghiệp khác**	
A	**Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn**	
30	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
31	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
32	Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
33	Dịch vụ lĩnh vực thú y	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
34	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
35	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
36	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
37	Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
38	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
39	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
B	**Hoạt động kinh tế giao thông vận tải**	
40	Dịch vụ lĩnh vực đường bộ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
41	Dịch vụ lĩnh vực đường thủy nội địa	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
42	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
C	**Hoạt động kinh tế tài nguyên môi trường**	
43	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
44	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
45	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
46	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
47	Dịch vụ lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
48	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
D	**Hoạt động kinh tế công thương**	
49	Dịch vụ lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
50	Dịch vụ lĩnh vực hóa chất	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
51	Dịch vụ lĩnh vực quản lý cạnh tranh	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
52	Dịch vụ lĩnh vực thương mại điện tử	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
53	Dịch vụ khuyến công; xúc tiến thương mại	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

STT	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Phương thức
54	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
Đ	**Hoạt động kinh tế xây dựng**	
55	Dịch vụ lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp không thuộc phạm vi hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật quy hoạch	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
56	Dịch vụ nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
57	Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
58	Dịch vụ xây dựng, thu thập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng, phát triển cổng thông tin điện tử	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
59	Dịch vụ điều tra thống kê	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
60	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
E	**Sự nghiệp lao động thương binh và xã hội**	
61	Dịch vụ chăm sóc người có công	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
62	Dịch vụ về việc làm	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
63	Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
64	Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em; dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
65	Dịch vụ phòng, chống tệ nạn xã hội	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
66	Dịch vụ về an toàn vệ sinh lao động	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
G	**Lĩnh vực tư pháp**	
67	Dịch vụ trợ giúp pháp lý	Giao nhiệm vụ/hình thức khác theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý
68	Dịch vụ khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
H	**Sự nghiệp khác**	
69	Dịch vụ cứu nạn trên biển	Giao nhiệm vụ
70	Dịch vụ sự nghiệp khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

Biểu 02
DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU

1. Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ (trong trường hợp dịch vụ này có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành để làm cơ sở đặt hàng cho doanh nghiệp thực hiện).

2. Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

3. Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.

4. Dịch vụ chiếu sáng đô thị.

5. Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng.

6. Sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình phóng sự, tài liệu chuyên đề, phim truyện do nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ.

7. Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài.

thaohh2-20/07/2020 08:01:31-thaohh2-thaohh2-thaohh2

Phụ lục II

DANH MỤC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU

(Ban hành kèm theo Quy định của Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 1 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG

1. Quản lý, khai thác công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Dịch vụ cung cấp điện, nước sạch cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

3. Vắc xin, sinh phẩm trong các trường hợp sau: (i) Phục vụ công tác phòng, chống các bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; (ii) Sử dụng cho chương trình tiêm chủng mở rộng; (iii) Chỉ có một nhà sản xuất trong nước.

4. Một số sản phẩm, dịch vụ công ích quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

* Sản phẩm, dịch vụ công ích tại khoản 1 Mục I này thực hiện đặt hàng, trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định thực hiện phương thức giao nhiệm vụ thì được thực hiện giao nhiệm vụ; nhưng khuyến khích áp dụng hình thức đặt hàng.

II. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẤU THẦU HOẶC ĐẶT HÀNG

1. Quản lý, khai thác công trình thủy lợi vừa và công trình thủy lợi nhỏ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Dịch vụ vận tải công cộng tại các đô thị.

3. Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.

4. Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị.

5. Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản.

6. Các sản phẩm chiết tách từ huyết tương theo quy mô công nghiệp (Albumin, Gammaglobulin, các yếu tố đông máu cô đặc).

7. Sản xuất sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ HCG.

8. Vận chuyển, cung ứng hàng hóa và dịch vụ thiết yếu phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

9. Dịch vụ hậu cần nghề cá trên các vùng biển xa.

10. Quản lý, khai thác, duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá.

11. Một số sản phẩm, dịch vụ công ích quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.